TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUANG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 61/2018/HSST
Ngày 19/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Ông Nguyễn Công Phúc.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HS ngày 02/11/2018 đối với bị cáo sau đây:

Nguyễn Thị X, sinh năm: 1960, tại: Quảng Nam.
Nơi cư trú: K320/21, đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ;
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12;
Con ông: Nguyễn Hữu C (chết); Con bà: Phạm Thị Đ (chết);
Chồng: Phạm Văn T (chết), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1954
Trú tại: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985
Trú tại: Tổ14, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 16/9/2018, Nguyễn Thị X về nhà ông Nguyễn Thành T, anh trai Xuân, tại: Tổ 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam để dự đám giỗ mẹ ruột của mình. Đến khoảng 7h30 cùng ngày, X muốn vào mộ của mẹ X để thắp hương nên ông T mượn xe mô tô biển kiểm soát (BKS): 92H6 – 5916 của anh Nguyễn Văn H để cho X đi. X điều khiển xe mô tô BKS: 92H6 – 5916 đi theo đường N hướng vào nghĩa địa X, thị trấn H. Trên đường đi, X vào tiệm tạp hóa D của bà Võ Thị Đ, tại: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam để mua hai bó hương. Trong lúc thanh toán tiền mua hương cho bà Đ, X nhìn thấy trong rổ nhựa màu xanh được để trên thùng nhựa ở cửa tiệm tạp hóa có 01 bao ni lông màu trắng, bên trong chứa nhiều tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này. Sau khi thanh toán tiền, lợi dụng sơ hở của bà Đ, X lại gần nơi để tiền lén lút lấy trộm bao ni lông chứa tiền dấu vào túi áo khoác rồi điều khiển xe mô tô BKS: 92H6 – 5916 đi đến nghĩa địa X để thắp hương. Tại đây, X mở bao ni lông ra kiểm tra, phát hiện bên trong có số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi thắp hương xong, X điều khiển xe quay về theo đường N. Khi đến tiệm tạp hóa D, X dừng xe lại để trả lại cho bà D (theo lời khai của X) thì bị Tổ công tác Công an huyện T mời về làm việc. Tại cơ quan CSĐT Công an huyện T, X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 73/CT-VKS ngày 29/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị X về tội: " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Thị X đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Võ Thị Đ khai: Sáng hôm đó bà có có mang theo số tiền 6300.000 đồng đựng trong một bao nilon màu trằng và để ở trong rổ nhựa màu xanh đựng thuốc tại tiệm tạp hóa D. Khi đó có một người phụ nữ vào mua hương và đi ra. Sau đó bà nhớ lại thì phát hiện bị mất số tiền trên. Bà gọi cho con trai bà về mở camera xem lại thì thấy người phụ nữ mua hương trộm cắp số tiền của bà. Bà báo với Cơ quan Công an, một lát sau thấy người phụ nữ đó đi gần đến tiệm tạp hóa thì bị Công an mời về trụ sở làm việc. Bà đã nhận lại toàn bộ số tiền và xin giảm nhẹ cho bị cáo X.

Người liên quan anh Nguyễn Văn H khai: Anh H là chủ sở hữu chiếc xe biển kiểm soát: 92H6 – 5916. Anh H có cho ông Nguyễn Thành T mượn để làm phương tiện đi lại. Việc bà X dùng xe của anh H để trộm cắp tài sản anh H không hay biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Thị X đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại chủ sở hữu. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội: "Trộm

cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị X từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). 01 (Một) xe mô tô BKS: 92H6 – 5916. Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

* Về dân sự: Các bên đã thỏa thuận giải quyết xong, bà Võ Thị Đ đã bãi nại về dân sự cho Nguyễn Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị X thừa nhận: Vào khoảng 07^{h} 50' ngày 16/9/2018, bị cáo đến quán tạp hóa của bà Võ Thị Đ, tại: Tổ 9, thị trấn H, huyện T để mua hai bó nhang mục đích mang vào khu vực nghĩa đại X thắp nhang cho mẹ của mình. Lợi dụng sơ hở của bà Đ, bị cáo lén lút trộm cắp của bà Đ số tiền 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm ngàn) đồng và bị phát hiện.

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại xác định: Bị cáo Nguyễn Thị X trộm cắp của bị hại Võ Thị Đ số tiền 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn) đồng. Căn cứ vào các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử nhận định hành vi và hậu quả của bị cáo Nguyễn Thị X gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Lợi dụng sự sở hở của người dân bị cáo lắng lút thực hiện tội phạm giữa ban ngày. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử

phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Thị X trước đây là cán bộ công tác tại Công ty dược được tặng kỷ niệm chương, hiện là cán bộ hưu trí. Chồng bị cáo trước đây công tác tại Công an thành phố Đà Nẵng có chứng nhận bệnh binh và hiện nay đã chết. Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng hậu quả do bị cáo gây ra không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại chủ sở hữu. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử thống nhất một số quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử không thống nhất với Đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, bởi lẽ: Bị cáo được tặng Kỷ niệm chương của Bộ Trưởng Bộ y tế là ghi nhận sự cống hiến lâu năm trong ngành Dược cho bị cáo. Đây không phải là thành tích xuất sắc trong công tác của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không thống nhất áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Chỉ xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy hành vi của bị cáo cũng là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không cần phải cách ly bị cáo mà có thể cho bị cáo hưởng án treo là thỏa đáng.

[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). 01 (Một) xe mô tô BKS: 92H6 – 5916. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại tiền và xe cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng.

[5] Về dân sự: Bị hại Võ Thị Đ đã nhận lại tài sản bị trộm và không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[7] Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Thị X** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị X 09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/11/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X cho UBND phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo X được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành